

Bản án số: **38**/2022/DSST

Ngày: 26 – 08 – 2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:

Ông Dương Minh Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-DS, ngày 11/07/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS, ngày 28/05/2022. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn N và bà Lê Thị H. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cẩn: Bà Lê Thị L. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, cũng như lời trình bày tại phiên tòa của bà Lê Thị L trình bày:

Ngày 02/06/2017, ông Trần Văn N, bà Lê Thị H có vay của gia đình tôi 516.000.000 đồng với mục đích nhằm làm ăn kinh tế trong gia đình. Tại thời điểm vay các bên có xác lập hợp đồng dưới tên gọi “Giấy vay tiền”, ông N, bà H là người trực tiếp ký tên dưới mục người vay tiền. Theo hợp đồng vay thỏa thuận lãi suất 2%/ 01 tháng, cam kết đến ngày 02/06/2019 trả nợ. Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến nay, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà H trả nợ gốc cùng với lãi suất phát sinh nhưng mới trả cho gia đình tôi 2.100.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, tôi đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị H trả cho vợ chồng tôi số tiền 513.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/03/2022, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:** Bà Lê Thị H là vợ tôi, có quen biết với bà Lê Thị L, nên có vay của bà Lê Thị L 150.000.000 đồng, mục đích vay về làm ăn kinh tế trong gia đình, về thời gian vay tiền tôi không biết. Đối với giấy vay tiền xác lập ngày 02/06/2017 ai là người xác lập thì tôi không biết, nhưng số tiền 516.000.000 đồng trong giấy vay này là của số tiền vay 150.000.000 đồng, cộng với khoản tiền gốc thành số tiền 516.000.000 đồng. Chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tên Trần Văn N không phải là của tôi, còn chữ ký, chữ viết dưới mục người vay bà Lê Thị H có phải là của vợ tôi hay không thì tôi không biết. Cho đến hiện nay trả tiền cho bà L được bao nhiêu thì chỉ có bà H biết, tôi không biết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 08 năm 2022, bị đơn bà Lê Thị H trình bày:** Ban đầu tôi có vay của bà L, ông C 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1000đ/01 triệu/ngày, thời điểm vay không có chồng tôi. Tuy nhiên, sau khi vay không có tiền trả nên bà L tính tổng tiền gốc, lãi suất phát

sinh thành số tiền 516.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 02/06/2017 là do bà L xác lập, còn chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền là của tôi với ông Trần Văn N ký và viết ra. Nguyên vọng trả nợ, vì điều kiện hiện nay khó khăn, nên xin được trả dần cho bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị H vắng mặt tại các buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/07/2022, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên Tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị H vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của những nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không hợp tác, không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả giám định, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ

vụ án. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở, nên đề Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 668 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả 513.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền vay 513.000.000 đồng, cùng lãi suất phát sinh:

Căn cứ Kết luận giám định số 12/KLGD-PC09, ngày 11/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn N, bà Lê Thị H trong giấy vay tiền so với tài liệu mẫu là do cùng một người ký và viết ra. Do đó, xác định ngày 02/06/2017 ông Trần Văn N, bà Lê Thị H vay của bà L, ông C số tiền 516.000.000 đồng, có xác lập giấy vay, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hạn trả ngày 02/06/2019, nhưng đến ngày 13/10/2017 trả được 2.100.000 đồng, còn lại chưa trả nợ gốc và lãi suất phát sinh.

Mặc dù, cho đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn trả, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự

Theo Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Đối chiếu với quy định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên cần buộc ông N, bà H trả có trách nhiệm trả cho bà L, ông C 513.000.000 đồng đã vay.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất và điều chỉnh cho phù hợp quy định của pháp luật. Xét thấy, tại thời điểm vay, các bên thỏa thuận lãi suất 2%/ 01 tháng là cao hơn so với quy định của Bộ luật dân sự, nên phần lãi suất vượt quá so với lãi suất giới hạn không có hiệu lực, cần điều chỉnh lãi cho phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, lãi suất được tính như sau:

- Lãi trong hạn của khoản vay 516.000.000 đồng từ ngày 02/06/2017 đến ngày 13/10/2017 là: $(516.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 131 \text{ ngày}) : 365 = 37.038.900 \text{ đồng}$.

- Lãi trong hạn tính từ ngày 14/10/2017 đến ngày 02/06/2019 của khoản tiền 513.900.000 đồng là: $(513.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 527 \text{ ngày}) : 365 = 148.397.424 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ lãi chậm trả tính từ ngày 03/06/2019 đến ngày 26/08/2022: $\{(37.038.900 + 148.397.424 \text{ đồng}) \times 10\% \times 1.178 \text{ ngày}\} : 365 = 59.847.668 \text{ đồng}$

- Lãi suất quá hạn tính từ ngày 03/06/2019 đến ngày 26/08/2022: $(513.900.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 150\% \times 1.178 \text{ ngày}) : 365 = 497.567.835 \text{ đồng}$.

Tổng cộng buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1.256.751.827 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

* Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí cho việc giám định 5.040.000 đồng. Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên cần buộc bị đơn ông N, bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn chi phí nêu trên.

Kể từ ngày 27/08/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông N, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C 1.256.751.827 đồng (một tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị H có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị L 5.040.000 đồng (Năm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ 27 tháng 08 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị H phải chịu 49.702.554 đồng án phí dân sự sơ thẩm, {theo cách tính: 1.252.493.128 đồng = 36.000.000 đồng + (456.751.827 đồng x 3%)}.

Trả lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí 12.320.000 đồng đã nộp tạm ứng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005528, ngày 15/10/2021 và 10.425.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0006104, ngày 09/05/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý